TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

&&&

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2/. Bà Tăng Thị Bạch Vân

* Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân M, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Phạm Văn Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 509/1 ấp B, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* Bị đơn: Đoàn Thị Trúc M, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 509/1 ấp B, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2021, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Năm 2017 anh và chị Đoàn Thị Trúc M tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2019 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, ngày 12/3/2019. Sau thời gian chung sống hạnh phúc anh chị có một người con chung là Phạm Khánh L, sinh ngày 7/9/2019, hiện nay đang sống chung với anh. Đến cuối năm 2019 hai bên bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị M, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đoàn Thị Trúc M đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đ và chị M được ly hôn, giao con chung cho anh Đ nuôi, chị M không cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Chị Đoàn Thị Trúc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, anh Đ và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị M nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[3] Năm 2017 anh Phạm Văn Đ và chị Đoàn Thị Trúc M tự nguyện chung sống với nhau, đến ngày 12/3/2019 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Đ cho rằng sau một thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, anh chị hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau, anh yêu cầu được ly hôn với chị M. Thấy rằng: Hôn nhân giữa anh Đ và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không còn chung sống với nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tại phiên tòa anh Đ cương quyết xin ly hôn với chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, cho anh với chị M được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị M có một người con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 7/9/2019, hiện nay đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu L đến tuổi trưởng thành, chị M không có ý kiến về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu L cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị M, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết, chị M không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Đoàn Thị Trúc M.

2/. Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 7/9/2019 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị Trúc M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Đoàn Thị Trúc M, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001457 ngày 9/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí. Chị M không phải chịu án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H. KS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm